

Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng tại TP.HCM

Factors affecting the perception of social responsibility of construction contractors in Ho Chi Minh City

> NGUYỄN BẢO THÀNH¹, NGUYỄN QUANG PHÚC²

¹Khoa Xây dựng, Trường Đại học Mở TP.HCM ; Email: thanh.nb@ou.edu.vn

²HVCH Ngành Quản lý xây dựng, Trường Đại học Mở TP.HCM ; Email: phucnq.208m@ou.edu.vn

TÓM TẮT

Hiện nay trách nhiệm xã hội (TNXH) còn khá mới mẻ tại các nước đang phát triển. Tại Việt Nam khi các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp ngành Xây dựng nói riêng triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội gặp nhiều khó khăn. Để thực hiện tốt các hoạt động TNXH, nghiên cứu này được thực hiện để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của nhân viên với nhà thầu xây dựng và cam kết của nhà thầu xây dựng với các bên liên quan. Kế thừa các nghiên cứu trước đây trong và ngoài nước và tham khảo ý kiến chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng đã xác định được 38 yếu tố ảnh hưởng và phân thành 06 nhóm, đến nhận thức TNXH của nhà thầu xây dựng và các bên liên quan như: (1) TNXH của nhân viên với nhà thầu xây dựng; (2) TNXH của nhà thầu xây dựng đối với chủ đầu tư; (3) TNXH của nhà thầu xây dựng đối với khách hàng; (4) TNXH của nhà thầu xây dựng đối với cộng đồng; (5) TNXH của nhà thầu xây dựng đối với môi trường và (6) Cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng và các bên liên quan. Phương pháp nghiên cứu của bài báo này là sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để tính trị trung bình (mean), kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố EFA, sau đó dùng phần mềm Amos 28 để phân tích khẳng định CFA, xây dựng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM. Kết quả của nghiên cứu giúp các doanh nghiệp tham khảo và sử dụng khi thực hiện trách nhiệm xã hội tại các doanh nghiệp xây dựng tại TP.HCM cũng như ở các địa phương khác.

Từ khóa: Trách nhiệm xã hội; xây dựng; TP.HCM.

ABSTRACT

Social responsibility is relatively new in developing countries. In Vietnam, when businesses in general and construction enterprises in particular when implementing social responsibility activities face many difficulties. To perform social responsibility activities well. This study was conducted to identify factors that affect employee engagement with the building contractor and the building contractor's commitment to stakeholders. Inheriting previous studies at home and abroad and consulting experts with many years of experience in the field of construction, 38 influencing factors have been identified and classified into 06 groups, to the perception of social responsibility of construction contractors and stakeholders such as: (1) Social responsibility of employees to the construction contractor; (2) Social responsibility of the construction contractor to the investor; (3) Social responsibility of the construction contractor to the customer; (4) The social responsibility of the construction contractor to the community; (5) Social responsibility of construction contractors to the environment and (6) Commitment to social responsibility of construction contractors and stakeholders. The research method of this paper is to use SPSS 22.0 software to calculate mean, verify Cronbach's Alpha coefficient, analyze EFA factor, then use Amos 28 software to analyze CFA affirmation, build a SEM linear structure model. The results of this study are for businesses to refer to and use when implementing social responsibility associations at construction enterprises in Ho Chi Minh City HCMC as well as in other localities.

Keyword: Corporate Social Responsibility; construction; Ho Chi Minh City.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành Xây dựng Việt nam nói chung và TP.HCM nói riêng, đang đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức. Sự khan hiếm các dự án xây dựng mới dẫn đến mức độ cạnh tranh ngày càng tăng, đòi hỏi các doanh nghiệp là Nhà thầu xây dựng trong quá trình tiếp cận hoặc tham gia đấu thầu một dự án, ngoài việc phải đáp ứng các tiêu chí yêu cầu từ chủ đầu tư như thương mại và kỹ thuật. Thì Nhà thầu cũng cần phải có một số phương thức để nâng

cao hình ảnh, uy tín doanh nghiệp, nhằm tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Trong đó, việc xây dựng và áp dụng mô hình trách nhiệm với xã hội doanh nghiệp tập trung vào các bên liên quan bao gồm: Chủ đầu tư; Người lao động; Đối tác; Môi trường và Cộng đồng là hoàn toàn cần thiết và phù hợp trong mỗi doanh nghiệp xây dựng. Tuy nhiên, việc thực hiện TNXH trong các doanh nghiệp xây dựng nói chung vẫn còn tương đối khó khăn, trước hết là sự hạn chế về các tài liệu nghiên cứu, cũng như quy trình hướng dẫn

đầy đủ về việc thực hiện TNXH. Bên cạnh đó, việc thực hiện TNXH không đơn thuần chỉ là những công tác từ thiện hướng tới xã hội, những người yếu thế trong xã hội hay chỉ là áp dụng một cách máy móc vào các mục đích xã hội khác, mà cần phải được thúc đẩy và hình thành bởi định hướng và tư duy sâu sắc trong nội tại văn hóa doanh nghiệp, nhằm mục đích xây dựng chiến lược thực hiện TNXH một cách bài bản và bền vững.

Nghiên cứu của Thành, Cường và Minh (2023) đã phân tích thực hiện trách nhiệm xã hội của công ty xây dựng tại tỉnh An Giang phương pháp nghiên cứu của bài báo này là tổng quan các nghiên cứu trước đã thực hiện kỹ thuật tính toán tổng hợp mờ (PSE), được áp dụng để xác định mức độ quan trọng của các nhóm hoạt động CSR và nghiên cứu đã xác định được 04 nhóm chính đó là (1) Quan hệ các bên liên quan; (2) Trách nhiệm đạo đức; (3) Trách nhiệm từ thiện xã hội; (4) Trách nhiệm môi trường. Tuy nhiên ở nhóm (2) Trách nhiệm đạo đức của doanh nghiệp nhóm nghiên cứu Thành, Cường, Minh chưa đưa ra được yếu tố ảnh hưởng về công ty thì hành về chính sách pháp luật về thuế, hơn nữa phương pháp nghiên cứu bài báo thêm ý kiến chuyên gia, **thứ 2** lập đề cương nghiên cứu, **thứ 3** thiết kế bảng câu hỏi khảo sát, khảo sát thử và thu thập dữ liệu sơ bộ theo thang đo Likert (1932); **thứ 4** hiệu chỉnh bảng câu hỏi và tiến hành khảo sát đại trà; **thứ 5** phân tích số liệu khảo sát như phân tích trị trung bình (mean); kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) bằng phần mềm SPSS 22.0, sau đó dùng phần

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu bao gồm 06 bước. **Thứ nhất**, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng tại TP.HCM, kế thừa các nghiên cứu trước đây trong và ngoài nước và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia, **thứ 2** lập đề cương nghiên cứu, **thứ 3** thiết kế bảng câu hỏi khảo sát, khảo sát thử và thu thập dữ liệu sơ bộ theo thang đo Likert (1932); **thứ 4** hiệu chỉnh bảng câu hỏi và tiến hành khảo sát đại trà; **thứ 5** phân tích số liệu khảo sát như phân tích trị trung bình (mean); kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) bằng phần mềm SPSS 22.0, sau đó dùng phần

mềm Amos 28 để phân tích khẳng định CFA (Confirmatory Factor Analysis) và xây dựng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (Structural Equation Model), **thứ 6** đánh giá kết quả phân tích. Từ đó đề xuất các khuyến nghị, và giả thuyết của mô hình nghiên cứu là (H1) TNXH của nhân viên đối với nhà thầu xây dựng; (H2) Trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng đối với chủ đầu tư; (H3) TNXH của nhà thầu xây dựng với các đối tác; (H4) Trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng đối với cộng đồng; (H5) TNXH của nhà thầu xây dựng đối với môi trường.

2.2. Thu thập dữ liệu

Các yếu tố liên quan đến trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng tại TP.HCM, sơ bộ được lọc ra từ việc kế thừa các nghiên cứu trước đây trong và ngoài nước, tham khảo ý kiến chuyên gia có nhiều năm trong lĩnh vực xây dựng. Từ đó, một bảng câu hỏi khảo sát chính thức đã được phát đến các đối tượng đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng như các chỉ huy trưởng công trình, các chuyên viên quản lý dự án, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế...

Quá trình thu thập dữ liệu thực hiện từ tháng 05/2023 đến tháng 07/2023 là 225 phiếu. Kết quả thu về là 215 phiếu khảo sát. Trong đó có 15 phiếu trả lời có kinh nghiệm làm việc dưới 5 năm; 25 phiếu có câu trả lời cùng một nội dung và trả lời thiếu. Do đó, cuối cùng chỉ còn lại 175 phiếu trả lời đạt yêu cầu được đưa vào phân tích về chọn mẫu theo phương pháp thuận tiện.

2.3. Các biến trong bảng câu hỏi

Kế thừa các nghiên cứu trước như Thành, Cường và Minh (2023); Châu Thị Lệ Duyên, Nguyễn Huỳnh Kim Ngân, Nguyễn Thanh Liêm, (2014); Hoàng Bắc An, Trần Thị Thanh Huyền. (2020); Nguyễn Tiến sĩ (2013); Maignan. L. (2001); Tcwari. R.. (2011); Isabel Martinez-Conesa, Pedro Soto-Acosta, Mercedes Palacios-Manzano, (2017), gồm 35 biến quan sát (biến độc lập) phân thành 05 nhóm chính và 03 biến quan sát (biến phụ thuộc) được thể hiện tại Bảng 1:

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Sau sàng lọc, dữ liệu từ 175 bảng trả lời hợp lệ được đưa vào phần mềm SPSS để đánh giá độ tin cậy thang đo và thực hiện phân tích MEAN, và giá trị trung bình được xếp hạng tại Bảng 2

Bảng 1. 35 yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng dân dụng và các bên liên quan

STT	Ký hiệu	Yếu tố ảnh hưởng
I	NV	Trách nhiệm xã hội của nhân viên đối với nhà thầu xây dựng
1	NV1	Công ty chúng tôi áp dụng hệ thống tuyển dụng và cơ chế thăng tiến công bằng cho nhân viên
2	NV2	Công ty chúng tôi giúp nhân viên đạt được sự cân bằng giữa công việc – cuộc sống
3	NV3	Công ty chúng tôi xây dựng chương trình đào tạo cho nhân viên thường xuyên.
4	NV4	Doanh nghiệp để thu hút nhân viên
5	NV5	Nhân viên gắn bó lâu dài với doanh nghiệp
6	NV6	Công ty chúng tôi luôn đảm bảo an toàn, cải thiện môi trường làm việc tốt hơn cho nhân viên
II	CDT	Trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng đối với chủ đầu tư
7	CDT1	Công ty chúng tôi đáp ứng tiến độ, chất lượng và độ bền của toàn bộ công trình
8	CDT2	Công ty chúng tôi có chính sách giá cả cạnh tranh và điều kiện thanh toán thuận lợi.
9	CDT3	Công ty chúng tôi đáp ứng các yêu cầu pháp lý và an toàn
10	CDT4	Công ty chúng tôi loại bỏ các mối rủi ro tiềm ẩn cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án
III	KH	Trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng đối với các khách hàng
11	KH1	Công ty chúng tôi xây dựng một cơ chế giao tiếp hiệu quả với các đối tác
12	KH2	Công ty chúng tôi áp dụng triết lý "đôi bên cùng có lợi" trong kinh doanh với đối tác
13	KH3	Công ty chúng tôi có chính sách thanh toán và xác nhận giá thị trường cạnh tranh kịp thời cho đối tác
14	KH4	Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của khách hàng thỏa đáng và nhanh chóng
15	KH5	Thiết lập mối quan hệ tốt và minh bạch với chính quyền địa phương
16	KH6	Khả năng khách hàng sẽ công nhận doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách trách nhiệm xã hội
17	KH7	Cung cấp thông tin rõ ràng, chính xác về sản phẩm dịch vụ
18	KH8	Công ty chúng tôi có quy trình kiểm soát các hành vi tham nhũng và phi đạo đức trong quá trình hợp tác

STT	Ký hiệu	Yếu tố ảnh hưởng
IV	CD	Trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng đối với cộng đồng
19	CD1	Công ty chúng tôi tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, xây dựng phúc lợi, tiện ích cộng đồng
20	CD2	Công ty chúng tôi khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động từ thiện xã hội
21	CD3	Công ty chúng tôi tạo cơ hội việc làm cho cộng đồng địa phương
22	CD4	Công ty chúng tôi hỗ trợ cho các sáng kiến liên quan đến phát triển bền vững và xã hội của bên thứ ba;
23	CD5	Công ty tôi có ngân sách cụ thể để thực hiện các hoạt động xã hội, nhân đạo
24	CD6	Công ty chúng tôi theo đuổi quan hệ đối tác với các tổ chức cộng đồng, cơ quan chính phủ và các nhóm ngành khác dành riêng cho các mục đích xã hội
25	CD7	Công ty chúng tôi ưu tiên sử dụng sản phẩm và dịch vụ của địa phương
26	CD8	Công ty chúng tôi xây dựng một kênh thông tin hiệu quả với cộng đồng địa phương
27	CD9	Công ty chúng tôi chấp hành pháp luật và chính sách của nhà nước về thuế
V	MT	Trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng đối với môi trường
28	MT1	Tiết kiệm nước trong thi công và vận hành công trình
29	MT2	Sử dụng sản phẩm vật liệu thân thiện với môi trường
30	MT3	Công ty chúng tôi tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường tự nhiên;
31	MT4	Tự nguyện vượt quá các quy định về môi trường do chính phủ đặt ra;
32	MT5	Công ty chúng tôi tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường tự nhiên;
33	MT6	Đào tạo về môi trường tự nhiên cho nhân viên
34	MT7	Chính sách thay thế vật liệu gây ô nhiễm và bảo tồn vật liệu nguyên sinh
35	MT8	Hỗ trợ tài chính cho các sáng kiến môi trường
VI	CK	Cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng
36	CK1	Tôi sẵn sàng nỗ lực ngoài kỳ vọng để giúp doanh nghiệp thành công
37	CK2	Tôi quan tâm đến tương lai của doanh nghiệp
38	CK3	tôi sẵn sàng quan tâm đến thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp sẽ tác động đến sự gắn kết với tổ chức của lực lượng lao động

Bảng 2. Xếp hạng giá trị trung bình

STT	Yếu tố ảnh hưởng	Ký hiệu	Trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
1	Thiết lập mối quan hệ tốt và minh bạch với chính quyền địa phương	KH5	4.0914	.96053	1
2	Công ty chúng tôi loại bỏ các mối rủi ro tiềm ẩn cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án	CDT4	4.0857	.96405	2
3	Công ty chúng tôi đáp ứng các yêu cầu pháp lý và an toàn	CDT3	4.0800	1.03635	3
4	Khả năng khách hàng sẽ công nhận doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách trách nhiệm xã hội	KH6	4.0743	.90983	4
5	Cung cấp thông tin rõ ràng, chính xác về sản phẩm dịch vụ	KH3	4.0686	.94436	5
6	Công ty chúng tôi đáp ứng tiến độ, chất lượng và độ bền của toàn bộ công trình	CDT1	4.0629	.98934	6
7	Hỗ trợ tài chính cho các sáng kiến môi trường	MT8	4.0229	1.00547	7
8	Công ty chúng tôi có chính sách thanh toán và xác nhận giá thị trường cạnh tranh kịp thời cho khách hàng	KH7	4.0171	.94367	8
9	Tự nguyện vượt quá các quy định về môi trường do chính phủ đặt ra;	MT4	4.0057	1.04220	9
10	Đào tạo về môi trường tự nhiên cho nhân viên	MT6	3.9771	.97647	10
11	Công ty chúng tôi tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường tự nhiên;	MT5	3.9771	.99397	10
12	Công ty chúng tôi có quy trình kiểm soát các hành vi tham nhũng và phi đạo đức trong quá trình hợp tác	KH8	3.9657	.95229	12
13	Công ty chúng tôi xây dựng một cơ chế giao tiếp hiệu quả với các đối tác	KH1	3.9429	1.14327	13
14	Công ty chúng tôi khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động từ thiện xã hội	CD2	3.9429	1.14327	13
15	Công ty chúng tôi tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, xây dựng phúc lợi, tiện ích cộng đồng	CD1	3.9143	1.04967	15
16	Công ty chúng tôi theo đuổi quan hệ đối tác với các tổ chức cộng đồng, cơ quan chính phủ và các nhóm ngành khác dành riêng cho các mục đích xã hội	CD6	3.8286	1.04182	16
17	Công ty tôi có ngân sách cụ thể để thực hiện các hoạt động xã hội, nhân đạo	CD5	3.8057	1.14820	17
18	Công ty chúng tôi chấp hành pháp luật và chính sách của nhà nước về thuế	CD9	3.8000	1.12954	18
19	Sử dụng sản phẩm vật liệu thân thiện với môi trường	MT2	3.8000	1.12954	18
20	Công ty chúng tôi xây dựng chương trình đào tạo cho nhân viên thường xuyên.	NV3	3.6743	1.20448	20
21	Nhân viên gắn bó lâu dài với doanh nghiệp	NV5	3.6114	1.21195	21
22	Doanh nghiệp dễ thu hút nhân viên	NV4	3.4743	1.16864	22
23	Công ty chúng tôi tham gia vào các hoạt động nhằm bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường tự nhiên;	MT3	3.2743	1.47164	23
24	Công ty chúng tôi áp dụng hệ thống tuyển dụng và cơ chế thăng tiến công bằng cho nhân viên	NV1	3.2743	1.27494	23
25	Chính sách thay thế vật liệu gây ô nhiễm và bảo tồn vật liệu nguyên sinh	MT7	2.8971	.98887	25
26	Công ty chúng tôi luôn đảm bảo an toàn, cải thiện môi trường làm việc tốt hơn cho nhân viên	NV6	2.8286	.97337	26
27	Công ty chúng tôi hỗ trợ cho các sáng kiến liên quan đến phát triển bền vững và xã hội của bên thứ ba;	CD4	2.7829	.71014	27
28	Công ty chúng tôi xây dựng một kênh thông tin hiệu quả với cộng đồng địa phương	CD8	2.7029	.90512	28
29	Tiết kiệm nước trong thi công và vận hành công trình	MT1	2.7029	.90512	28

30	Công ty chúng tôi áp dụng triết lý "đôi bên cùng có lợi" trong kinh doanh với đối tác	KH2	2.6971	.76919	30
31	Công ty chúng tôi tạo cơ hội việc làm cho cộng đồng địa phương	CD3	2.6971	.76919	30
32	Công ty chúng tôi giúp nhân viên đạt được sự cân bằng giữa công việc - cuộc sống	NV2	2.4571	.87569	32
33	Công ty chúng tôi có chính sách giá cả cạnh tranh và điều kiện thanh toán thuận lợi.	CDT2	2.3486	1.06063	33
34	Công ty chúng tôi ưu tiên sử dụng sản phẩm và dịch vụ của địa phương	CD7	2.1943	.98083	34
35	Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của khách hàng thỏa đáng và nhanh chóng	KH4	2.0571	.91422	35

3.1 Kết quả phân tích độ tin cậy thang đo

Kết quả phân tích độ tin cậy thang đo, hệ số Cronbach's Alpha lần 1, có 12 BQS có hệ số tương quan biến tổng < 0,3 nên loại 12 BQS này và tiến hành phân tích độ tin cậy thang đo, hệ số Cronbach's Alpha lần 2 và kết quả 23 BQS (biến độc lập), 03 BQS (biến phụ thuộc) đều có giá trị Cronbach's Alpha > 0,6. Như vậy thang đo đã chọn là thích hợp.

3.2 Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.822
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	1903.533
	df	325
	Sig.	.000

Hệ số KMO=0,822 > 0,5, vậy phân tích nhân tố là phù hợp, Sig. (Bartlett's Test) = 0,000 (sig < 0,05), vậy các BQS tham gia vào phân tích EFA có tương quan với nhau.

Có **6 nhân tố** được trích dựa vào **tiêu chí eigenvalue** là **1,301 > 1**, như vậy **06 nhân tố** này tóm tắt thông tin **26 biến quan sát** đưa vào EFA một cách tốt nhất. Tổng **phương sai trích là 64,031 % > 50%**, biến thiên dữ liệu của **26 biến quan sát** tham gia vào EFA. Các nhân tố được trích tương ứng các cột nhân tố được thể hiện tại Bảng 3.

Bảng 3. Ma trận xoay khi phân tích EFA
Pattern Matrix^a

	Component					
	1	2	3	4	5	6
KH5	.832					
KH8	.807					
KH6	.740					
KH7	.720					
KH4	.696					
KH3	.668					
MT8		.817				
MT4		.762				
MT7		.731				
MT5		.718				
MT6		.709				
CD8			.808			
CD9			.801			
CD5			.682			
CD6			.682			
CD7			.667			
CDT2				.882		
CDT3				.775		
CDT1				.771		
CDT4				.763		
NV5					.901	
NV3					.844	
NV4					.819	
CK3						.812
CK1						.799
CK2						.754

Extraction Method: Principal Component Analysis.
Rotation Method: Promax with Kaiser Normalization.
a. Rotation converged in 6 iterations.

Hệ số tải Factor Loading của các biến quan sát trong **ma trận xoay tất cả > 0,5**, như vậy các biến quan sát (BQS) này đều có ý nghĩa đóng góp vào mô hình.

3.4 Kết quả phân tích khẳng định CFA

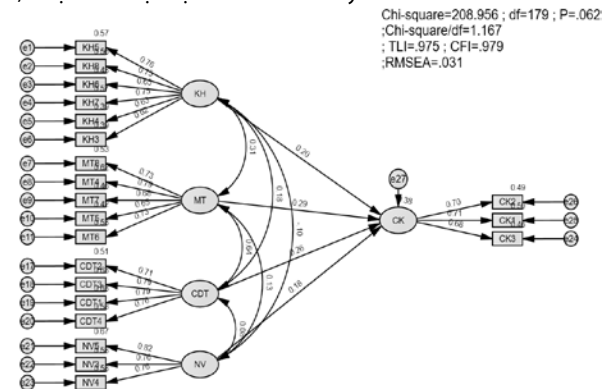
Kết quả phân tích khẳng định CFA được thể hiện tại bảng 4 dưới đây, và kết quả hồi quy chuẩn hóa của mô hình đều > 0,5

Bảng 4. Kết quả phân tích khẳng định CFA

STT	Giá trị giới hạn	Kết quả phân tích	Đánh giá
1	CMIN/df ≤ 2	CMIN/df = 1,265 < 2	Thỏa
2	0,9 ≤ CFI ≤ 1: Tốt	CFI= 0,955 > 0,9	Thỏa
3	0,9 ≤ TLI ≤ 1: Tốt	TLI = 0,949 > 0,9	Thỏa
4	RMSEA ≤ 0,05 được xem là rất tốt, 0,05-0,08 : Chấp nhận	RMSEA = 0,039 < 0,5	Thỏa

3.5 Kết quả mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM ban đầu có **giả thuyết H4: "trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây dựng đối với cộng đồng"** ảnh hưởng dương (+) đến cam kết thực hiện TNXH của nhà thầu xây dựng và các bên liên quan có giá trị P-value > 0,05, nên loại giả thuyết này và tiến hành hiệu chỉnh mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, được thể hiện tại Hình 1 dưới đây



Hình 1. Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM chuẩn hóa hiệu chỉnh

Kết quả đánh giá được trình bày tại Bảng 5 dưới đây:

Bảng 5 Kết quả đánh giá mô hình cấu trúc tuyến tính SEM chuẩn hóa hiệu chỉnh

STT	Giá trị giới hạn	Kết quả phân tích	Đánh giá
1	CMIN/df ≤ 2	CMIN/df = 1,167 < 2	Thỏa
2	0,9 ≤ CFI ≤ 1: Tốt	CFI= 0,979 > 0,9	Thỏa
3	0,9 ≤ TLI ≤ 1: Tốt	TLI = 0,975 > 0,9	Thỏa
4	RMSEA ≤ 0,05 được xem là rất tốt, 0,05-0,08 : Chấp nhận	RMSEA = 0,031 < 0,5	Thỏa

Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM hiệu chỉnh có các thông số đều thỏa mãn và giá trị P-value đều < 0,05. Trọng số của mô hình cấu trúc tuyến tính SEM chuẩn hóa hiệu chỉnh được thể hiện tại Bảng 6 dưới đây:

Bảng 6. Trọng số mô hình cấu trúc tuyến tính SEM chuẩn hóa hiệu chỉnh

			Estimate
CK	<---	KH	0.196
CK	<---	MT	0.289
CK	<---	CDT	0.256
CK	<---	NV	0.181
KH5	<---	KH	0.758
KH8	<---	KH	0.748
KH6	<---	KH	0.653
KH7	<---	KH	0.754
KH4	<---	KH	0.627
KH3	<---	KH	0.623
MT8	<---	MT	0.729
MT4	<---	MT	0.790
MT7	<---	MT	0.681
MT5	<---	MT	0.649
MT6	<---	MT	0.730
CDT2	<---	CDT	0.711
CDT3	<---	CDT	0.791
CDT1	<---	CDT	0.793
CDT4	<---	CDT	0.762
NV5	<---	NV	0.820
NV3	<---	NV	0.760
NV4	<---	NV	0.759
CK3	<---	CK	0.679
CK1	<---	CK	0.711
CK2	<---	CK	0.698

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được 05 yếu tố chính và 23 biến quan sát (biến độc lập) và 03 biến quan sát (biến phụ thuộc), ảnh hưởng đến cam kết TNXH của nhà thầu xây dựng và các bên liên quan tại TP.HCM. Bảng câu hỏi khảo sát các yếu tố ảnh hưởng kế thừa các nghiên cứu trước đây trong và ngoài nước, tham khảo ý kiến chuyên gia, trong lĩnh vực đầu tư xây dựng có hiểu biết về TNXH. Phương pháp nghiên cứu của đề tài sử dụng phần mềm SPSS 22.0 để phân tích trị trung bình, kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan Pearson và sau đó sử dụng phần mềm Amoss 28 để phân tích khẳng định CFA, xây dựng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, sau khi phân tích đã cho ra các trọng số của từng yếu tố ảnh hưởng đến cam kết trách nhiệm xã hội của nhà thầu xây

dựng với các bên có liên quan khi xây dựng các công trình trên địa bàn TP.HCM đó là:

Sau khi xây dựng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM đã loại 01 giả thuyết H4: “ Trách nhiệm xã hội với cộng đồng” ảnh hưởng dương (+) đến cam kết thực hiện TNXH của nhà thầu xây dựng và các bên liên quan có giá trị P- value lớn hơn 0,05, và thực hiện mô hình cấu trúc tuyến tính SEM hiệu chỉnh có các thông số đều thỏa mãn và giá trị P-value đều < 0,05 và Yếu tố “Trách nhiệm xã hội đối với môi trường” có tác động mạnh mẽ đến cam kết thực hiện TNXH có trọng số cao nhất là 0,289 cho thấy rằng các doanh nghiệp xây dựng hiện nay khi thi công xây dựng công trình tại TP.HCM rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, kể đến là “ Trách nhiệm xã hội đối với chủ đầu tư” với trọng số 0,256 xếp thứ 2 trong mức độ ảnh hưởng cam kết TNXH của nhà thầu xây dựng và các bên liên quan vì hiện nay tính cạnh tranh trong xây dựng ngày một được nâng lên do đó để tạo uy tín trên thương trường trong ngành Xây dựng để tạo công việc làm cho người lao động thì khi xây dựng công trình phải đạt chất lượng và tiến độ thực hiện, xếp thứ 3 có trọng số 0,196 là “Trách nhiệm xã hội với khách hàng” khi thực hiện dự án nhà thầu phải tuân thủ các quy định pháp luật về xây dựng công trình đạt chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ... có như vậy nhà thầu mới tạo được uy tín trên thị trường xây dựng và từ đó tạo thế cạnh tranh để phát triển doanh nghiệp, Yếu tố “ Trách nhiệm xã hội của nhân viên đối với doanh nghiệp” với trọng số 0,181 xếp thứ 4 ngụ ý rằng nhân viên có sự gắn kết với công việc sẽ cảm thấy môi trường và giá trị của tổ chức phù hợp với mục tiêu của bản thân và do đó, sẽ thúc đẩy việc hình thành sự cam kết với tổ chức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bùi Hữu Thành, Chu Việt Cường và Nguyễn Văn Minh (2023), Phân tích thực hiện trách nhiệm xã hội của công ty xây dựng tại tỉnh An Giang. Tạp chí Xây dựng, tháng 09.2023, ISSN 2734-9888, tr 114-118.

[2]. Châu Thị Lệ Duyên, Nguyễn Huỳnh Kim Ngân, Nguyễn Thanh Liêm, (2014). *Nghiên cứu mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội, lợi ích kinh doanh và hiệu quả tài chính của doanh nghiệp khu vực Thành phố Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 32: 7-18.

[3]. Hoàng Bắc An, Trần Thị Thanh Huyền. (2020). *Hệ thống chỉ tiêu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp dành cho doanh nghiệp xây dựng tại Việt Nam*. Tạp chí Quốc tế về Xây dựng, 7(6):12-20. doi: 10.14445/23488352/IJCE-V7I6P102.

[4]. Maignan. L. (2001). *Consumer perception of corporate social responsibilities: a cross cultural comparison*. Journal of Business Ethics, 30. 57-72.

[5]. Tcwarí. R.. (2011). *Communicating corporate social responsibility in annual reports: A comparative study o f Indian companies & multinational corporations*. Journal o f Management de Public Policy. 2, 22-51.

[6]. Isabel Martinez-Conesa, Pedro Soto-Acosta, Mercedes Palacios-Manzano, (2017). *Corporate social responsibility and its effect on innovation and firm performance: An empirical research in SMEs*. Journal of Cleaner Production, 142: 2374-2383.

[7]. W.D.I.V., Somachandra., K., K., Sylva., C., S., Bandara., P., Dissanayake. (2022). *Corporate social responsibility ((CSR)) practices in the construction industry of Sri Lanka*. The international journal of construction management, 1-9. doi: 10.1080/15623599.2022.2049489.

[8]. Vigneshkumar, C., Ginda, G., & Salve, U. R. (2022). *Potential Benefits of Corporate Social Responsibility ((CSR)) in the Construction Industry*. In *International Conference of the Indian Society of Ergonomics* (pp. 1741-1749). Springer, Cham.